

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ,
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2025

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Dũng.

2/ Ông Tống Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 715/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ma Thị Q**, sinh năm 1966. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Loan Hương, xã Tân Hương, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Ông **Trương Văn Kim S**, sinh năm 1967. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MHC, xã MDĐ, huyện CB, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Ma Thị Q trình bày: Bà và ông Trương Văn Kim S kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên

nhân do bất đồng quan điểm sống. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông S.

- + Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.
- + Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.
- + Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trương Văn Kim S trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Q; Con chung, tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Ma Thị Q và bị đơn ông Trương Văn Kim S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bà Q, ông S

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Q xác định quan hệ tranh chấp phát sinh là “Ly hôn”; Bị đơn ông Trương Văn Kim S có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ Hưng C, xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ma Thị Q và ông Trương Văn Kim S kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 30/01/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông, bà đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, bản thân bà Q và ông S đều xác định không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa và đều mong muốn được ly hôn. Do vậy, chấp nhận cho bà Q và ông S được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Q là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị Q. Cho bà Ma Thị Q được ly hôn ông Trương Văn Kim S.

2. *Về án phí*: Bà Ma Thị Q phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016286 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè, TG;
- CC THADS huyện Cái Bè, TG;
- UBND xã Tân Hương, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

